

Số: **79** /NQ-HĐND

Tân Yên, ngày 23 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn đối với các công trình huyện
làm chủ đầu tư giai đoạn 2016-2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Kế hoạch số 144/KH-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh Bắc Giang về đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020;

Xét Tờ trình số: 146/TTr-UBND ngày 13/12/2016 của UBND huyện về việc phê duyệt Kế hoạch đầu tư công trung hạn đối với các công trình huyện làm chủ đầu tư giai đoạn 2016-2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội, ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân huyện nhất trí thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn đối với các công trình huyện làm chủ đầu tư giai đoạn 2016-2020, với nguồn vốn dự kiến đầu tư: **639,477** tỷ đồng, bao gồm:

- | | |
|--|-----------------|
| + Nguồn mục tiêu ngân sách trung ương: | 92,524 tỷ đồng |
| + Nguồn cân đối ngân sách địa phương: | 39,353 tỷ đồng. |
| + Nguồn thu từ đấu giá QSD đất: | 65,3 tỷ đồng. |
| + Nguồn hỗ trợ mục tiêu ngân sách tỉnh: | 24,3 tỷ đồng. |
| + Dự kiến nguồn hỗ trợ NSTW, NSDP, nguồn khác: | 418 tỷ đồng. |

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Căn cứ vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm UBND huyện kiểm soát nguồn thu, khả năng huy động vốn thực tế trên địa bàn, xây dựng Kế hoạch đầu tư công cho phù hợp, đảm bảo sát với nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện;

Trong quá trình chỉ đạo, điều hành HĐND huyện ủy quyền cho Thường trực HĐND huyện xem xét, cho ý kiến quyết định chủ trương đầu tư dự án sử

dụng vốn đầu tư công theo quy định của Luật đầu tư công. Trường hợp có sự bổ sung vốn mục tiêu của Trung ương, UBND tỉnh ngoài nguồn vốn dự kiến trên Ủy ban nhân dân huyện báo cáo bằng văn bản và thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân huyện sau đó trình Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Giao cho UBND huyện tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Thường trực HĐND, các Ban Hội đồng nhân dân huyện phối hợp với Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội huyện theo dõi, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân huyện khoá XIX, kỳ họp thứ ba thông qua./.

Nơi nhận:

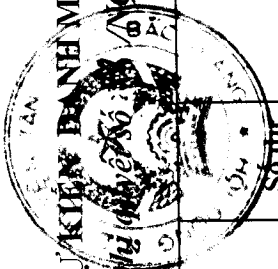
- TTHU, HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HU, HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện khóa XVIII;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc HU, UBND huyện;
- Các ngành, đơn vị liên quan;
- HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, TCKH, CV *XX*

CHỦ TỊCH

Lâm Thị Hương Thành

Biểu TH

BIỂU TỔNG HỢP DỰ KIẾN BÀN NHÌM MỤC ĐẦU TƯ CÁC CÔNG TRÌNH XDCB GIAI ĐOẠN 2016-2020
(Kèm theo Nghị quyết số 10/HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2016 của HĐND huyện)

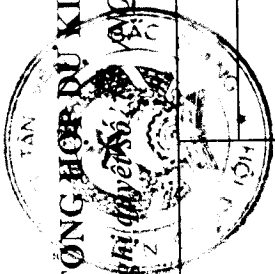


Đơn vị: Triệu đồng

STT	Dự kiến nguồn vốn	Số tự án	TMDT	Dự kiến Kế hoạch giai đoạn 2016-2020					Ghi chú
				Dự kiến các nguồn vốn	Chia ra				
					Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	
I	CÔNG TRÌNH HUYỆN	54	639.477	14.953	37.500	168.200	200.524	218.300	
1	Công trình có nguồn vốn mục tiêu NSTW	1	92.524	14.000	22.000	20.000	20.524	16.000	Biểu 01
2	Công trình dự kiến thực hiện nguồn NSDP	50	128.953	953	15.500	24.200	42.000	46.300	Biểu 02
3	D.kiến nguồn hỗ trợ NSTW nguồn vốn khác	3	418.000			124.000	138.000	156.000	Biểu 04

Biểu THV

BIỂU TỔNG HỢP DỰ KIẾN KH VỐN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2016-2020
(Kèm theo Nghị quyết số 23/NQ-NDND ngày 23 tháng 12 năm 2016 của HĐND huyện)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Dự kiến nguồn vốn	Tổng cộng	Dự kiến Kế hoạch giai đoạn 2016-2020					Ghi chú
			Chia ra					
			Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	
I	CÔNG TRÌNH HUYỆN	639.477	14.953	37.500	168.200	200.524	218.300	-
1	Nguồn ngân sách TW	92.524	14.000	22.000	20.000	20.524	16.000	
2	Nguồn CĐNSĐP	39.353	953	9.900	9.500	9.500	9.500	
3	Nguồn thu từ đấu giá QSD đất	65.300		4.800	8.700	25.500	26.300	
4	Nguồn hỗ trợ mục tiêu NS tỉnh	24.300		800	6.000	7.000	10.500	
6	D.kiến nguồn hỗ trợ NSTW, NSĐP, nguồn khác	418.000			124.000	138.000	156.000	

DANH MỤC DỰ ÁN XDCB DỰ KIẾN THỰC HIỆN TỪ NGUỒN NSDP GIAI ĐOẠN 2016-2020
(Kèm theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND huyện ngày 23 tháng 12 năm 2016 của HĐND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Danh mục dự án	Số dự án	TMDT	(tất cả các nguồn vốn)	Dự kiến giai đoạn 2016-2020												Ghi chú
					Chia ra												
					Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020				
NSDP	Nguồn khác	NSDP	Nguồn khác	NSDP	Nguồn khác	NSDP	Nguồn khác	NSDP	Nguồn khác								
	TỔNG CỘNG	50	128.953	128.953	-	953	14.700	800	18.200	6.000	35.000	7.000	35.800	10.500	-		
1	Nâng cấp nhà làm việc bộ phận một cửa UBND huyện và tường rào bảo vệ khu nhà huyện ủy, UBND huyện	1	953	953		953											
2	Nâng cấp Đường Cao Kỳ Ván (Đoạn từ TTTM Đào Dương đến điểm nối đường 295 khu chợ)	1	1.200	1.200		400	800										
3	Cải tạo nâng cấp TT Dân số KHHGD huyện	1	600	600		500	100										



ST T	Danh mục dự án	Số dự án	TMĐT	Dự kiến giai đoạn 2016-2020										Ghi chú	
				Chia ra											
				Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020			
Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSĐP	Nguồn khác	NSĐP	Nguồn khác	NSĐP	Nguồn khác	NSĐP	Nguồn khác	NSĐP	Nguồn khác					
	TỔNG CỘNG	50	128.953	128.953	-	953	14.700	800	18.200	6.000	35.000	7.000	35.800	10.500	-
4	Cải tạo, nâng cấp đường Ngọc Châu - An Dương, huyện Tân Yên (Đoạn từ Ngã Ba làng Đèo xã An Dương đến Cầu Trung Đông xã Ngọc Châu): Chiều dài tuyến L = 2,0km	1	5.000	5.000			3.000		2.000						
5	Cải tạo nâng cấp đường từ Trung Giữa Tân Trung đi Cà Am xã Phúc Hòa, huyện Tân Yên: Chiều dài tuyến L = 1,5km	1	4.500	4.500			3.100		1.400						
6	Xử lý hệ thống thoát nước và nhà để xe UBND huyện Tân Yên	1	550	550			550								
7	Cải tạo, nâng cấp đường đê Cầu Đông 9 xã Ngọc Lý, huyện Tân Yên: Chiều dài L = 400m; rộng 3,5m, dầy 20cm	1	1.200	1.200			1.000		200						

Dự kiến giai đoạn 2016-2020													Ghi chú		
ST T	Danh mục dự án	Số dự án	TMDT	Tổng số nguồn vốn	Chia ra										
					Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019			Năm 2020	
					NSDP	Nguồn khác	NSDP	Nguồn khác	NSDP	Nguồn khác	NSDP	Nguồn khác		NSDP	Nguồn khác
	TỔNG CỘNG	50	128.953	128.953	-	953	14.700	800	18.200	6.000	35.000	7.000	35.800	10.500	-
8	Sửa chữa nhà liên cơ quan mặt trận tổ quốc huyện Tân Yên	1	350	350			350								
9	Sửa chữa nhà truyền thống huyện Tân Yên	1	300	300			300								
10	Xây dựng nhà khách khu hội nghị huyện (diện tích khoảng 400m2)	1	3.500	3.500			3.200		300						
11	Đường BTXM vào trường bản Phúc Hòa (rộng 4m, mặt BTXM 200#, dày 20cm)	1	800	800			800								
12	Sửa chữa nhà hội trường huyện Tân Yên (Thay trần thạch cao bằng trần tôn; sơn, lợp mái tôn 3 lớp lại toàn bộ nhà)	1	1.700	1.700			1.500		200						
13	Hệ thống Đèn chiếu sáng công cộng khu TT Thị trấn Cao Thượng	1	4.000	4.000									2.000	2.000	
14	Bãi xử lý rác thải tập trung của huyện	1	5.000	5.000					1.000				1.000	3.000	

Dự kiến giai đoạn 2016-2020															
ST T	Danh mục dự án	Số dự án	TMDT	Tổng số nguồn vốn (tất cả các nguồn vốn)	Chi ra								Ghi chú		
					Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019			Năm 2020	
					NSDP	Nguồn khác	NSDP	Nguồn khác	NSDP	Nguồn khác	NSDP	Nguồn khác		NSDP	Nguồn khác
	TỔNG CỘNG	50	128.953	128.953	-	953	14.700	800	18.200	6.000	35.000	7.000	35.800	10.500	-
15	Cải tạo nâng cấp Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện	1	1.000	1.000					1.000						
16	Đường BTXM từ Đồng Hội đi thôn Suối Dài, xã Ngọc Ván, huyện Tân Yên. (Chiều dài toàn tuyến: L = 1,5km)	1	3.000	3.000						3.000					
17	Cải tạo nâng cấp đường BTXM từ Trung Tâm xã đi Ngọc Lĩnh - Tam Bình (Ngọc Thiện)(1,5 Km)	1	3.000	3.000						3.000					
18	Dự án CSHT khu du lịch tâm linh sinh thái Núi Dành - Việt Lập	1	5.000	5.000							3.000		2.000		

Dự kiến giai đoạn 2016-2020													Ghi chú		
ST T	Danh mục dự án	Số dự án	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia ra										
					Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019			Năm 2020	
					NSDP	Nguồn khác	NSDP	Nguồn khác	NSDP	Nguồn khác	NSDP	Nguồn khác	NSDP	Nguồn khác	
	TỔNG CỘNG	50	128.953	128.953	-	953	14.700	800	18.200	6.000	35.000	7.000	35.800	10.500	-
19	Công trình phụ trợ Đèn thờ AHL5 và hạ tầng công viên Núi Máy TT Cao Thượng(Phụ trợ, hệ thống cây xanh, đèn chiếu sáng, đường leo núi, mở công phía đường HHT và GPMB di chuyển một số hộ dân)	1	7.000	7.000							4.000		3.000		
20	Cải tạo nâng cấp Đường Việt Lập đi Liên Chung đoạn từ quốc lộ 17 đến ngã 3 Việt Lập (Liên Chung - Cao Thượng); tiếp nối đoạn từ Đình Nội đi Cao Thượng	1	6.000	6.000				3.000			3.000				
21	XD hạ tầng vùng sản xuất hạt giống Lúa Lai Phúc Sơn	1	3.000	3.000										3.000	

ST T	Danh mục dự án	Số dự án	TMDT	Dự kiến giai đoạn 2016-2020												Ghi chú
				Chia ra												
				Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		
NSĐP	Nguồn khác	NSĐP	Nguồn khác	NSĐP	Nguồn khác	NSĐP	Nguồn khác	NSĐP	Nguồn khác	NSĐP	Nguồn khác					
	TỔNG CỘNG	50	128.953	128.953	953	14.700	800	18.200	6.000	35.000	7.000	35.800	10.500	-		
22	Hệ Thống nước xả thải Khu dân cư Đồng Ba TT Cao Thượng đường nội bộ(Đoạn sau khu dân cư trục đường Cầu Vòng và Đường Cao Kỳ Vãn)	1	3.000	3.000						1.000		2.000				
23	QH chi tiết hệ thống kênh tiêu từ Cao Thượng - Việt Lập - Liên Chung	1	400	400			400									
24	Quy hoạch chi tiết Khu Công viên Núi Mây	1	500	500			500									
25	Quy hoạch hệ thống thủy lợi huyện	1	500	500			500									
26	Trận địa súng máy 14,5mm Lãng Cao xã Cao Xá	1	800	800			800									
27	Đường BTXM từ đường 295 đi Tân Minh Ngọc Châu	1	3.000	3.000						1.000		2.000				

Dự kiến giai đoạn 2016-2020														
ST T	Danh mục dự án	Số dự án	TMDT	Chia ra										Ghi chú
				Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		
				NSDP	Nguồn khác	NSDP	Nguồn khác	NSDP	Nguồn khác	NSDP	Nguồn khác	NSDP	Nguồn khác	
	TỔNG CỘNG	50	128.953	128.953	953	14.700	800	18.200	6.000	35.000	7.000	35.800	10.500	-
28	Cải tạo nâng cấp đường liên xã từ quốc lộ 17 đi An Dương, Lam cút	1	4.000	4.000						2.000		2.000		
29	Nâng cấp CSVC, xây dựng Đại truyền thanh cấp huyện huyện	1	900	900						900				
30	Đường chân núi Dành (Liên Chung-Việt Lập) theo quy hoạch khu du lịch Tâm linh - sinh thái Núi Dành.	1	4.000	4.000						2.000		2.000		
31	Hệ Thống Đèn chiếu sáng Đường 398 và đường nội thị	1	6.000	6.000						2.000		4.000		
32	Hệ thống nước xả thải Khu đô thị TT Nhã Nam	1	3.000	3.000						1.000		2.000		
33	Hệ thống xử lý nước xả thải thị trấn Cao Thượng	1	5.000	5.000						3.000		2.000		

ST T	Danh mục dự án	Số dự án	TMDT	Dự kiến giai đoạn 2016-2020												Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia ra											
					Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020			
					NSDP	Nguồn khác	NSDP	Nguồn khác	NSDP	Nguồn khác	NSDP	Nguồn khác	NSDP	Nguồn khác		
	TỔNG CỘNG	50	128.953	128.953	-	953	14.700	800	18.200	6.000	35.000	7.000	35.800	10.500	-	
34	Đường BTXM từ QL 17 đoạn Phó Bùng, TT Nhà Nam đến đường Nhã Nam - An Dương (góc đa thôn Hạ An Dương(1km))	1	2.000	2.000								2.000				
35	Đường từ QL 17 (đoạn Kim Trảng) đi thôn Um Ngò xã Việt Lập (PT04)	1	4.900	4.900							1.900	3.000				
36	Đường BTXM từ UBND xã Việt Ngọc di Lương Phong Hiệp Hòa 1Km	1	2.000	2.000								2.000				
37	Dự án khảo sát thiết kế, GPMB hệ thống hầm, hào, bãi tập kết nhà lữing dụng khu căn cứ quân sự	1	500	500					500							
38	Cải tạo SC trụ sở Phòng GD&ĐT, nhà bảo vệ; Hội trường PGD	1	800	800					800							

ST T	Danh mục dự án	Số dự án	TMDT	Tổng số nguồn vốn (tất cả các nguồn vốn)	Dự kiến giai đoạn 2016-2020												Ghi chú
					Chia ra												
					Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020				
					NSDP	Nguồn khác	NSDP	Nguồn khác	NSDP	Nguồn khác	NSDP	Nguồn khác	NSDP	Nguồn khác	NSDP	Nguồn khác	
	TỔNG CỘNG	50	128.953	128.953	-	953	14.700	800	18.200	6.000	35.000	7.000	35.800	10.500	-		
39	Nâng cấp trụ sở làm việc khu nhà các cơ quan QLNN	1	2.000	2.000					1.000				1.000				
40	Nâng cấp phòng khách trụ sở huyện ủy, UBND huyện	1	2.700	2.700									2.700				
41	Xây mới Nghĩa Trang Nhân dân TT Cao Thượng	1	2.000	2.000					2.000								
42	Đường BTXM từ Phúc Sơn đi Tân Đức(Phú Bình) 1 Km(Bờ bên phải)	1	2.500	2.500					2.500								
43	Đường từ ngã 3, thôn Mình Tân, xã An Dương đi thôn Minh Sinh, xã Quang Tiến (Chiều dài toàn tuyến: L = 2,0km)	1	3.500	3.500										3.500			
44	Đường BTXM từ Ngã 3 Nhà Nam (đoạn Tiến Phan đi Tân Hiệp Yên thế)	1	3.000	3.000											3.000		

Dự kiến giai đoạn 2016-2020																
ST T	Danh mục dự án	Số dự án	TMDT	Tổng số nguồn vốn	Chia ra								Ghi chú			
					Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019			Năm 2020		
					NSDP	Nguồn khác	NSDP	Nguồn khác	NSDP	Nguồn khác	NSDP	Nguồn khác		NSDP	Nguồn khác	
	TỔNG CỘNG	50	128.953	128.953	-	953	14.700	800	18.200	6.000	35.000	7.000	35.800	10.500	-	
45	Đường từ 295 đi thôn Cầu Yêu qua nhà Thờ đến Cầu Vòng Bi (1,7km)	1	4.000	4.000											4.000	
46	Nâng cấp đoạn đường nối từ Chấn Sơn - Liên Sơn đi tỉnh lộ 294 (thuộc xã Tân Trung)	1	3.000	3.000							1.500		1.500			
47	Đường BTXM từ đường KTQP vào căn cứ chiến đấu	1	800	800										800		
48	Căn cứ chiến đấu hạng mục bãi tập kết, nhà lường dụng (BCH quân sự huyện)	1	2.000	2.000								2.000				
49	XD hệ thống đường hầm của Huyện ủy HEND - UBND huyện trong căn cứ chiến đấu huyện	1	2.500	2.500											2.500	

ST T	Danh mục dự án	Số dự án	TMDT	Dự kiến giai đoạn 2016-2020												Ghi chú	
				Chia ra													
				Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Nguồn khác			
				NSDP	Nguồn khác	NSDP	Nguồn khác	NSDP	Nguồn khác	NSDP	Nguồn khác	NSDP	Nguồn khác				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)														
		50	128.953	-	953	14.700	800	18.200	6.000	35.000	7.000	35.800	10.500				-
50	Đường BTXM An Dương - Cao Xá(đoạn từ Phố cầm An Dương đến Yên Định Cao xã)	1	2.000									2.000					